

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ – LỚP 7
TUẦN 09 (TỪ 01/11/2021 ĐẾN 06/11/2021)

1. MÔN NGỮ VĂN

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG GHI BÀI):

TIẾT 1: QUA ĐÈO NGANG

Bà Huyện Thanh Quan

I. Đọc – tìm hiểu chú thích

1. Tác giả: Bà Huyện Thanh Quan

2. Tác phẩm

- Thể thơ: Thất ngôn bát cú đường luật

- Hoàn cảnh sáng tác: Khi tác giả đi vào kinh thành Huế nhận chức, lúc đi qua đèo Ngang.

- Đại ý: Tâm trạng cô đơn của Bà Huyện Thanh Quan trước cảnh hoang sơ, hùng vĩ của đèo Ngang.

II. Đọc – tìm hiểu văn bản.

1. Hai câu đề:

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa*

- Không gian: cảnh Đèo Ngang.

- Thời gian: lúc xế tà

- Cảnh vật: cỏ cây, lá, đá, hoa

- > điệp từ “chen”, hình ảnh gợi tả.

=> Cảnh đèo Ngang đẹp nhưng hoang sơ.

2. Hai câu thực:

*Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà*

- Hình ảnh: tiêu, chợ

-> phép đối, đảo ngữ, từ láy gợi tả

=> Con người nhỏ bé trước cảnh hoang sơ nơi con đèo lúc chiều tà.

3. Hai câu luận:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

- Âm thanh: tiếng chim quốc, chim đa đa

-> Nghệ thuật đối, đảo ngữ, lấy động tả tĩnh, đồng âm

=> Nỗi nhớ nước, thương nhà của nhà thơ.

4. Hai câu kết

*Dừng chân đứng lại trời, non, nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta*

- Hình ảnh: trời, non, nước

- Cụm từ: ta với ta

-> Hình ảnh đối lập.

=> Nỗi buồn, cô đơn, xa vắng của người lữ khách xa quê.

III. Ghi nhớ: Sgk/104.

TIẾT 2: BÁNH TRÔI NƯỚC

Hồ Xuân Hương

I. Đọc – tìm hiểu chú thích

1. Tác giả: Hồ Xuân Hương

2. Tác phẩm:

- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt đường luật
- Đại ý: Qua việc miêu tả bánh trôi nước, tác giả ca ngợi phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội xưa,

II. Đọc – tìm hiểu văn bản.

1. Hình ảnh bánh trôi nước	2. Hình ảnh người phụ nữ
<ul style="list-style-type: none">- Hình dạng: Bánh màu trắng, hình tròn.- Cách nặn bánh: rần, nát- Cách luộc bánh: bảy nổi ba chìm- Nhân bánh: màu đỏ	<ul style="list-style-type: none">- Ngoại hình: Xinh đẹp, đầy sức sống.- Phẩm chất: son sắt, chung thủy- Thân phận: Chìm nổi, bấp bênh giữa dòng đời, bị xã hội định đoạt số phận.
<p>=> Chi tiết chọn lọc. => hình ảnh thật cái bánh trôi nước.</p>	<p>-> Mô típ “thân em”, thành ngữ gợi tả. => Ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ và cảm thương cho số phận chìm nổi của họ.</p>

III. Ghi nhớ: Sgk/95.

B. LUYỆN TẬP:

***Yêu cầu 1** : Viết đoạn văn (7 tới 9 câu) nêu cảm nhận của em về hình ảnh người phụ nữ trong bài thơ “Bánh trôi nước”

***Yêu cầu 2**: Viết đoạn văn (7 tới 9 câu) nêu cảm nhận của em về cảnh đèo Ngang trong bài thơ “Qua đèo Ngang”

Dặn dò

- Học thuộc lòng 2 bài thơ.
- Đọc trước bài thơ: Bạn đến chơi nhà.

2. MÔN TOÁN

2.1 ĐẠI SỐ

ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GHK1

1/Nội dung cần ghi nhớ

Đại số

- Tập hợp các số hữu tỉ, so sánh, biểu diễn số hữu tỉ trên trục số
- Phép tính cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ
- Giá trị tuyệt đối của số hữu tỉ
- Lũy thừa của một số hữu tỉ
- STPHH, STPVHTH
- Làm tròn số
- Tỷ lệ thức, tính chất của tỷ lệ thức
- Vận dụng: tính giá trị của biểu thức, tìm x

Hình học

- Hết chương 1

2/Video ôn tập:

Link ôn tập đại số:

<https://drive.google.com/file/d/1MtUhf9lfJHFJgxCc4fzozecAUk84pM/view?usp=sharing>

Link ôn tập hình học:

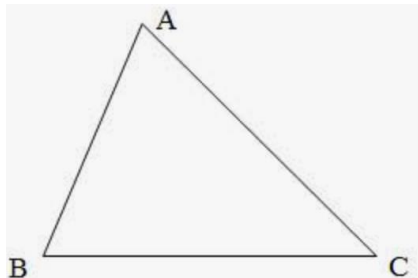
https://drive.google.com/file/d/1zF6ZcStX9WWAD0bZdu_e6ePhwdM1_zq/view?usp=sharing

2.2 HÌNH HỌC

Bài 1. TỔNG 3 GÓC TRONG TAM GIÁC

1. Tổng ba góc của một tam giác

Định lí. (SGK/106)

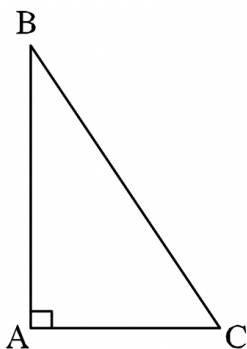


ΔABC có $\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = 180^\circ$

2. Áp dụng vào tam giác vuông

Định nghĩa: SGK/107

Định lí. SGK/107



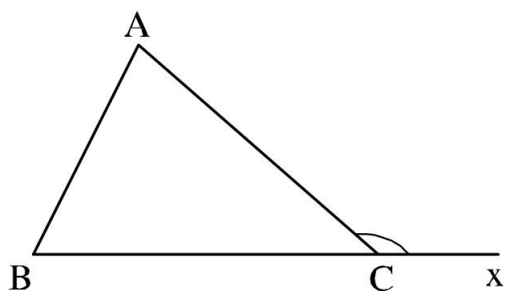
ΔABC vuông tại A thì $\hat{B} + \hat{C} = 180^\circ$

3. Góc ngoài của tam giác

Định nghĩa: SGK/107

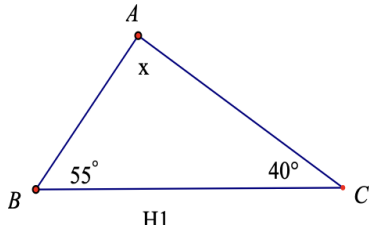
Định lí. SGK/107

Nhận xét. SGK/107



\widehat{ACx} là góc ngoài của tại C của ΔABC nên $\widehat{ACx} = \hat{A} + \hat{B}$

VD: Tìm x trong hình vẽ sau



Xét $\triangle ABC$

$$\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = 180^\circ (\text{tổng 3 góc của tam giác})$$

$$x + 55^\circ + 40^\circ = 180^\circ$$

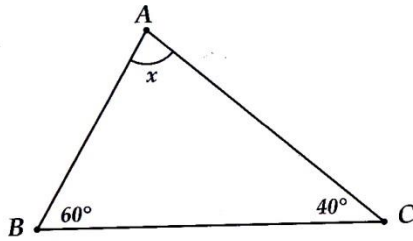
$$x = 180^\circ - 55^\circ - 40^\circ$$

$$x = 85^\circ$$

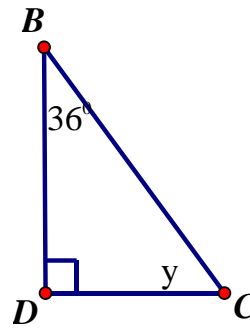
LUYỆN TẬP

Bài tập ở nhà:

Bài 1: Tính số đo x, y trong các hình vẽ sau:

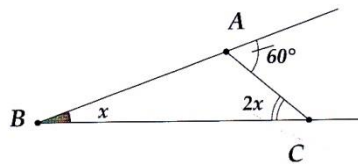


Hình 1

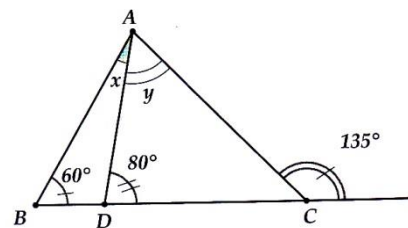


Hình 2

Bài 2: Tính số đo x, y trong các hình vẽ sau:



Hình 1



Hình 2

Bài 3: Cho tam giác ABC vuông tại A có $C = 35^\circ$. Tia phân giác của góc A cắt BC tại D. Kẻ AH vuông góc với BC (H thuộc BC).

a) Tính góc ADH.

b) Tính góc HAD và HAB.

4. MÔN LỊCH SỬ

Tiết 17

ÔN TẬP LỊCH SỬ VIỆT NAM CHƯƠNG I, II

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Thời Ngô – Đinh – Tiền Lê:

* **Nhà Ngô:** Sau chiến thắng Bạch Đằng, năm 939 Ngô Quyền lên ngôi vua, đóng đô ở Cổ Loa, xây dựng bộ máy chính quyền độc lập, tự chủ.

* **Thời Đinh:** Sau khi Ngô Quyền mất (944), đất nước rối loạn → Loạn 12 sứ quân.

Đinh Bộ Lĩnh quê ở Hoa Lư (Ninh Bình), là người có tài, được nhân dân ủng hộ. Ông lần lượt đánh bại các sứ quân khác, được tôn là Vạn Thắng vương. Cuối năm 967, đất nước thống nhất. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đóng đô ở Hoa Lư, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, củng cố nền độc lập của đất nước.

* **Thời Tiền Lê:** Năm 979, Đinh Tiên Hoàng mất, nội bộ lục đục, nhà Tống lâm le xâm lược → Lê Hoàn lên ngôi vua (Lê Đại Hành). Xây dựng bộ máy nhà nước và tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống.

2. Thời Lý:

- Năm 1009, nhà Lý thành lập.

- Năm 1010, dời đô về Đại La, đổi tên thành Thăng Long.

- Tiến hành củng cố bộ máy nhà nước thời Lý, pháp luật và quân đội và thực hiện cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077).

B. LUYỆN TẬP

Câu 1. Nối các mốc thời gian với các sự kiện sao cho đúng dưới đây:

- | | |
|-------------|--|
| 1- Năm 939 | A. Lý Công Uẩn dời đô về Đại La đổi tên là Thăng Long. |
| 2- Năm 968 | B. Nhà Lý ban hành bộ Luật Hình Thư. |
| 3- Năm 981 | C. Ngô Quyền lên ngôi vua. |
| 4- Năm 1009 | D. Lê Hoàn đánh bại quân Tống lần 1. |
| 5- Năm 1010 | E. Lý Công Uẩn lên ngôi vua, lập ra nhà Lý. |
| 6- Năm 1042 | F. Chiến thắng quân Tống lần 2. |
| 7- Năm 1054 | G. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế. |
| 8- Năm 1077 | H. Đổi tên nước là Đại Việt |

Câu 2. Trình bày diễn biến, kết quả cuộc chiến đấu trên phòng tuyến sông Như Nguyệt (1076-1077)? Nêu cách đánh độc đáo của Lý Thường Kiệt.

C. DẶN DÒ

- Học sinh ôn lại các nội dung từ bài 7 đến bài 10 và theo dõi video ôn tập.

Tiết 18

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HKI

5. MÔN ĐỊA LÝ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA KỲ I

B. LUYỆN TẬP:

- HS xem lại video hướng dẫn ôn tập kiểm tra giữa kỳ: ít nhất 3 lần.
- Đọc nội dung SGK từ tuần 1 đến tuần 7 (chủ đề 2 + 3).
- Đọc nhiều lần nội dung bài ghi từ tuần 1 đến tuần 7 (chủ đề 2 + 3)

Chúc các em làm bài tự tin và kết quả cao!

6. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

A. LÝ THUYẾT (Nội dung cần học)

- Kiểm tra đánh giá giữa kì 1:(15h00-5/11/2021-Trên trang lophoc.hcm.edu.vn)
- Học các bài :
 - + Sống giản dị .
 - + Tự trọng .
 - + Trung thực .
 - + Chủ đề : Yêu thương con người và đoàn kết tương trợ
- Xem lại tất cả bài tập của các bài trên ở SGK

B . DẶN DÒ

- Chuẩn bị bài 4 : Đạo đức và kỷ luật .
 - + Đọc nội dung bài ở SGK .
 - + Nêu Ca dao , tục ngữ .

7. MÔN TIẾNG ANH

NỘI DUNG TRỌNG TÂM

TIẾT 25, 26, 27: ÔN TẬP GIỮA HKI ANH 7

A. LÝ THUYẾT (Phần ghi bài)

GRAMMAR

1 – Present Simple – Hiện Tại Đơn

➤ TOBE

- (+) S + AM/IS/ARE + ADJ/ N.
- (-) S + AM/IS/ARE + NOT + ADJ/ N.
- (?) AM/IS/ARE + S + ADJ/ N?

➤ Verb

- (+) S + Vs/es + O
- (-) S + DO/DOES + NOT + Vbare + O
- (?) DO/DOES + S + Vbare + O ?

Dấu hiệu nhận biết thì hiện tại đơn: Trong câu thường có trạng từ chỉ tần suất như: Everyday/night/week, often, usually, always, sometimes,...

2 – Present progressive – Hiện Tại Tiếp Diễn

- (+) S+ BE+V_ING
- (-) S+ BE (NOT)+V_ING
- (?) BE S+ V_ING?

Dấu hiệu nhận biết thì hiện tại tiếp diễn: Trong câu thường có những cụm từ chỉ thời gian sau sau: Now, at the moment, at present, right now, look, listen, be quiet....

3. Near future – tương lai gần

- (+) S + be going to + Vbare.
- (-) S + be + not + going to + Vbare.
- (?) Be + S + going to + Vbare?

Dấu hiệu nhận biết: Trong câu thường có các từ: tomorrow, next day/week/month/year, in + thời gian...

STRUCTURE (Cấu trúc)

1/ EXCLAMATORY SENTENCES

What + (a/an) + adj + noun!

How + adj + S + be!

2/ ASKING ABOUT S.O'S JOB

What + be + S.O's job?

What +do/does + S + do?

3/ ASKING ABOUT S.O'S ADDRESS

What + be + S.O's address?

Where + do/ does + S + live?

B. BÀI TẬP (Phần bài tập)

I. Choose the underlined part of the word that is different from the others: (1M)

- | | | | |
|------------------------|----------------------|--------------------------|---------------------|
| 1. A. birth <u>day</u> | B. <u>thirteenth</u> | C. <u>there</u> | D. breath <u>h</u> |
| 2. A. mirr <u>or</u> | B. s <u>in</u> k | C. refrig <u>er</u> ator | D. del <u>igh</u> t |
| 3. A. hat <u>s</u> | B. play <u>s</u> | C. book <u>s</u> | D. stop <u>s</u> |

4. A. tomatoes B. kisses C. oranges D. watches

II. Circle the letter that best completes the sentence: (2M)

1. I was born _____ July 22nd, 2007.
A. up B. at C. in D. on
2. _____ does she live? - On Tran Phu street.
A. How B. What C. Where D. How
3. _____ is it from here to school? - About 700 meters.
A. How often B. How long C. How far D. How high
4. The students often go to school _____ the morning.
A. next to B. at C. in D. on
5. I like dancing and my sister does, _____ .
A. either B. so C. too. D. Neither
6. The turtle is _____ than the rabbit.
A. more slow B. too slow C. slower D. more slower
7. Would you like _____ tea? - Yes, please .
A. some. B. any C. many D. much
8. What _____ interesting subject!
A. is B. a C. an D. X

III. Supply the correct form of the verbs by choosing the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the blank space in each sentence. (0.5 pt.)

1. They _____ learning English now. (learn)
2. I always _____ to school at 6. (go)

IV. Complete each blank with one suitable word in the box. (1.5 M)

Lan lives in the city __ (1) __ her parents and two brothers . She lives __ (2) __ 14 Nguyen Trai Street . Her telephone number is 1234567890 . On her __ (3) __ birthday , December 16th , Lan will be 16 . She will have a small party for her __ (4) __ . She will __ (5) __ some best friends to her house. They will eat cakes and drink coke . Maybe they will have __ (6) __ fun. The party will start at six o'clock and finish at ten .

- | | | | |
|----------------|-----------|--------------|-------------|
| 1/ A. in | B. from | C. with | D. at |
| 2/ A. at | B. here | C. this | D. that |
| 3/ A. last | B. next | C. near | D. Lan |
| 4/ A. day | B. birth | C. birthdate | D. birthday |
| 5/ A. like | B. invite | C. bring | D. buy |
| 6/ A. a lot of | B. a lot | C. many | D. lots |

V. Read the following passage and answer TRUE or FALSE (1M)

Phung is my classmate. Her full name is Nguyen Thi Phung. She is 13 years old now, but she will be 14 next Wednesday, November 17th. Phung lives with her parents at 232 An Duong Vuong street. Phung's house isn't large but it's very comfortable. It has a bright living room, two lovely bedrooms, a modern bathroom and a big kitchen. There is a small yard behind her house. Phung's sister grows flowers and plants in the yard. Her house is nicer than mine.

TRUE / FALSE

1. Phung is in class 5.

2. She will be fourteen on the seventeenth of November.

3. Her house has five rooms.

4. My house is more beautiful than her house.

VI. Matching the questions in column A with the answers in column B suitably. (1.5 M)

<u>A</u>	<u>B</u>	<u>Answers</u>
1. What is your family name?	a. At about 8 o'clock..	1.
2. Who do you live with?	b. About three kilometers.	2.
3. Who is calling, please?	c. It's Nguyen.	3.
4. When will he be back?	d. It's me, Nga.	4.
5. Will you be free next Sunday?	e. My parents.	5.
6. How far is it from your house to your school?	f. Sure.	6.

VII. Give the correct form of the words in brackets. (1 M)

- Ms. Lan is very _____ . (beauty)
- Nhan's form teacher always _____ about his laziness. (complaint)
- My close friend draws pictures _____. (differ)
- Female like to use clothes _____ at home. (dry)

VIII. Rewrite the sentences with the meaning unchanged: (1.5 M)

- This cake is very delicious.
What _____ !
- When is Phi's birthday?
What _____ ?

8. MÔN ÂM NHẠC

Kiểm tra giữa kì 1

1. Đề kiểm tra:

Học sinh lựa chọn trình bày 1 trong 4 bài sau đây:

1. Bài hát Mái trường mến yêu
2. Bài hát Lí cây đa
3. Tập đọc nhạc số 1: Ca ngợi tổ quốc
4. Tập đọc nhạc số 2: Ánh trăng

2. Yêu cầu cần đạt: Đạt được 2/3 yêu cầu sau:

a. Đối với bài hát:

- Thuộc lời bài hát,
- Hát đúng giai điệu bài hát
- Hát diễn cảm bài hát

b. Đối với bài TĐN:

- Thuộc tên nốt bài TĐN
- Đọc đúng cao độ, trường độ bài TĐN
- Đọc TĐN có sắc thái

9. MÔN MỸ THUẬT

BÀI 5: VẼ TRANH PHONG CẢNH

(TIẾT 1)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I - Tìm và chọn nội dung đề tài :

- Tranh phong cảnh vẽ về cảnh vật : núi, sông, biển cả, nhà cửa, cây cối, ...nhưng cũng có thể vẽ thêm người, loài vật cho sinh động. Mỗi bức tranh phản ánh vẻ đẹp ở các miền quê khác nhau bằng cảm xúc và cách thể hiện của người vẽ.
- Trên thế giới, có nhiều họa sĩ nổi tiếng chuyên vẽ tranh phong cảnh và coi đó là một niềm đam mê, như Mô-nê (Pháp), Lê-vi-tan (Nga), Vương Duy(Trung Quốc), Hi-rô-si-ghê (Nhật Bản), ...
- Ở Việt Nam, nhiều họa sĩ có tranh phong cảnh đẹp như Trần Đình Thọ với bức *Tre* (sơn mài), Nguyễn Văn Bình với bức *Phong cảnh nông thôn* (sơn mài), Phan Kế An với bức *Nhớ một chiều Tây Bắc* (sơn mài), Lương Xuân Nhị với bức *Đồi cọ* (sơn dầu), Bùi Xuân Phái với những bức tranh về *Phố cổ Hà Nội*(sơn dầu), ...

II - Cách vẽ :

- Vẽ tranh phong cảnh dù đơn giản đến đâu vẫn cần phải tuân thủ các nguyên tắc về bố cục, màu sắc và đậm nhạt như yêu cầu vẽ tranh đề tài.
- Tranh phong cảnh thường vẽ cảnh trực tiếp hoặc vẽ từ những kí họa ghi chép cảnh thật. Trước khi vẽ, cần tiến hành theo các bước sau :

1. Chọn cảnh và cắt cảnh :

Tìm và chọn góc cảnh có bố cục đẹp, có những hình ảnh điển hình để vẽ.

2. Thể hiện :

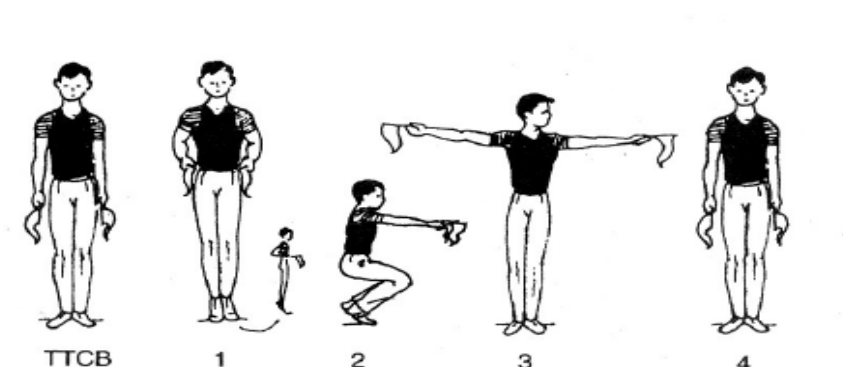
- Vẽ phác hình toàn cảnh.
- Vẽ từ bao quát đến chi tiết, có mảng chính, mảng phụ.
- Lược bỏ các chi tiết không cần thiết.
- Vẽ màu theo màu sắc thiên nhiên cùng với cảm xúc của người vẽ.

B. LUYỆN TẬP:

Vẽ một bức tranh phong cảnh theo ý thích.

- Nhịp 1: Bước chân trái sang ngang rộng bằng vai, hai tay cầm cờ đưa ra trước lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, cờ hướng lên cao, uốn thân, mặt ngửa, hít vào bằng mũi.
- Nhịp 2: Đưa hai tay ra trước - song song cao ngang vai, , thở ra bằng miệng.
- Nhịp 3: Đưa hai tay và cờ dang ngang, lòng bàn tay hướng trước, ngược hơi uốn, hít vào bằng mũi.
- Nhịp 4: Đưa hai tay và cờ xuống thấp thành TTCB, thở ra bằng miệng.
- Nhịp 5,6,7,8 tương tự nhưng đổi chân.

3. Động tác Chân:



- Nhịp 1: Kiễng hai chân, hai tay cầm cờ chống vào hông, cờ hướng ra trước, hít vào.
- Nhịp 2: Khuyu gối kiễng hai gót chân, hai tay cầm cờ đưa ra trước song song cao ngang vai, lưng thẳng, lòng bàn tay hướng vào nhau, mắt nhìn theo cờ, thở ra.
- Nhịp 3: Đứng thẳng người lên, hai tay dang ngang, mắt nhìn theo tay trái, hít vào.
- Nhịp 4: Về TTCB, thở ra.
- Nhịp 5,6,7,8 tương tự nhưng đổi bên.

4. Động tác Lườn:

- Nhịp 1: Bước chân trái sang trái rộng bằng vai, đồng thời hai tay dang ngang lòng bàn tay hướng trước, cờ hướng sang hai bên, mặt nhìn thẳng, hít vào.

- Nhịp 2: Dồn trọng tâm vào chân trái, mũi chân phải chạm đất đồng thời nghiêng lườn sang phải, tay trái duỗi thẳng ép nhẹ vào tai, tay phải co căng tay phía sau lưng – cò hướng sang trái, thở ra.
- Nhịp 3: Chuyển trọng tâm về giữa hai chân, thân người thẳng, hai tay dang ngang, bàn tay ngửa, cò hướng sang hai bên, mắt nhìn theo cò bên trái, hít vào.
- Nhịp 4: Về TTCB.
- Nhịp 5,6,7,8: Tương tự nhưng nhịp 5 bước chân phải sang phải, nhịp 6 nghiêng lườn sang trái, nhịp 7 quay mặt sang phải.

5. Động tác Bụng:

- Nhịp 1: Bước chân trái sang trái rộng bằng vai đồng thời đưa hai tay cầm cò ra trước lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, mặt ngửa, mắt nhìn theo cò, hít vào.
- Nhịp 2: Gập thân, hai tay chạm hai bàn chân, cò hướng trước, hai chân thẳng, mắt nhìn theo cò, thở ra.
- Nhịp 3: Nâng thân, hai tay dang ngang, bàn tay sấp, cò hướng sang hai bên, mắt nhìn theo cò bên trái, hít vào.
- Nhịp 4: Về TTCB, thở ra.
- Nhịp 5,6,7,8: Tương tự nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 bước chân phải sang phải, nhịp 7 mắt nhìn theo cò bên phải.

6. Động tác Phối hợp:

- Nhịp 1: Bước chân trái ra trước một bước chệch 45 độ về bên trái, khuỷu gối, chân sau thẳng, tay trái đưa ra trước chệch cao, tay phải đưa ra sau chệch xuống dưới tạo thành một đường thẳng. Hai bàn chân chạm đất, cò hướng theo chiều của hai tay, thân trên hơi đổ về trước, mắt nhìn theo cò tay trái, hít vào.
- Nhịp 2: Đưa chân trái về sát với chân phải đồng thời gập thân, hai tay hướng vào bàn chân, cò hướng trước, hai chân thẳng, mắt nhìn theo cò, thở ra.
- Nhịp 3: Đứng thẳng người lên đồng thời vặn mình sang trái 90 độ (không xoay hai bàn chân), hai tay dang ngang, lòng bàn tay ngửa, cò hướng theo chiều của hai tay, mắt nhìn theo cò tay trái, hít vào.
- Nhịp 4: Về TTCB, thở ra.

- Nhịp 5,6,7,8: Tương tự nhưng nhịp 5 bước chân phải chéo phải, nhịp 7 vắn mình sang phải mắt nhìn theo cờ bên phải

7. Động tác Thăng bằng:

- Nhịp 1: Đưa chân trái ra sau mũi chân chạm đất, hai tay ra trước lên cao song song, cờ hướng lên cao, mắt nhìn theo cờ, hít vào.
- Nhịp 2: Nâng chân sau lên cao, ngả thân trên về trước, uốn ngực, hai tay đưa ra trước sang ngang, hai chân thẳng, mặt hướng về trước giữ thăng bằng, thở ra.
- Nhịp 3: Về nhịp 1, hít vào.
- Nhịp 4: Về TTCB.
- Nhịp 5,6,7,8: Tương tự nhịp 1,2,3,4 nhưng đổi chân.

8. Động tác Nhảy:

- Nhịp 1: Bật nhảy, tách hai chân rộng bằng vai đồng thời đưa tay trái sang ngang, bàn tay sấp, hít vào.
- Nhịp 2: Bật nhảy về tư thế thẳng đứng, thở ra.
- Nhịp 3: Bật nhảy như nhịp 1 đồng thời hai tay đưa ra trước song song ngang vai, cờ hướng trước, hít vào.
- Nhịp 4: Bật nhảy về TTCB, thở ra.
- Nhịp 5,6,7,8: Tương tự nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 đổi tay.

9. Động tác Điều hòa:

- Nhịp 1: Nâng gối chân trái một cách nhẹ nhàng, hai tay đưa cờ ra trước cao ngang vai, rung lắc cổ tay, hít vào.
- Nhịp 2: Về TTCB, thở ra.
- Nhịp 3: Nâng gối chân phải một cách nhẹ nhàng, hai tay đưa cờ sang ngang, rung lắc cổ tay, hít vào.
- Nhịp 4: Về TTCB, thở ra.
- Nhịp 5,6,7,8: Tương tự nhịp 1,2,3,4.

II. Chạy cự li ngắn (60m):

- **Ôn tập:** Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi.
- **Học mới:** Chạy đạp sau, đánh tay tại chỗ.

- ❑ **Chạy đạp sau:** giúp cho người tập tăng sức mạnh của nhóm cơ chân tạo lực đẩy giúp cơ thể tiến về trước . Lưu ý: đạp duỗi thẳng chân sau, tiếp đất bằng nửa bàn chân trước, gót chân không chạm đất.
- ❑ **Đánh tay tại chỗ:** giúp cho người tập thực hiện được động tác đánh tay trong khi chạy sao cho hợp lí không gây ảnh hưởng đến kĩ thuật chạy và góp phần tạo tích cực cho động tác đạp sau . Lưu ý: thả lỏng hai vai, hai tay đánh theo hướng trước sau, hơi khép vào trong, co ở khuỷu tay, tránh đánh sang hai bên gây mất ổn định thân người khi chạy.

B. LUYỆN TẬP:

1. Thực hiện tốt 9 động tác của bài thể dục với cờ. Mỗi động tác thực hiện 2 lần x 8 nhịp.
2. Ôn tập 2 động tác bổ trợ đã học tuần trước: Chạy bước nhỏ và chạy nâng cao đùi. Lượng vận động 30 giây/tổ x 3 tổ.
3. Thực hiện 2 bài tập Chạy đạp sau (hoặc bài tập chạy gót chạm mông tại chỗ nếu không có không gian tập luyện) và bài tập đánh tay tại chỗ. Lượng vận động 30 giây/tổ x 3 tổ.

11. MÔN TIN HỌC

Bài 10: LUYỆN GÕ PHÍM NHANH BẰNG TYPING MASTER (TT)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

3./ Luyện gõ phím bằng trò chơi: (xem thêm SGK trang 111 đến trang 114)

- Trò chơi Bubbles (bong bóng)
- Trò chơi ABC (bảng chữ cái)
- Trò chơi Clouds (đám mây)
- Trò chơi Wordtris (gõ từ nhanh)

4./ Luyện gõ qua bài kiểm tra kỹ năng gõ: (xem thêm SGK trang 114, 115)

B. LUYỆN TẬP:

- Học sinh có máy tính thực hành trên máy
- Học sinh không có máy tính thì sẽ thực hành sau khi quay lại trường

12. MÔN SINH HỌC

NỘI DUNG ÔN TẬP ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

A. LÝ THUYẾT:

BÀI 1: THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT ĐA DẠNG, PHONG PHÚ

I. Động vật đa dạng về loài và phong phú về số lượng cá thể.

-Thế giới động vật xung quanh chúng ta vô cùng đa dạng về loài: tôm, cua, ốc, ...

-Phong phú về số lượng cá thể trong loài:

Ví dụ: đàn chim, đàn châu chấu....

II. Động vật đa dạng về lối sống và môi trường sống.

-Nhờ sự thích nghi cao với điều kiện sống, động vật phân bố ở khắp các môi trường như nước mặn, nước ngọt, nước lợ, trên cạn, trên không và ở ngay vùng cực băng giá quanh năm.

BÀI 2: PHÂN BIỆT ĐỘNG VẬT VỚI THỰC VẬT

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỘNG VẬT

I. Động vật khác thực vật ở các đặc điểm:

-Cấu tạo tế bào không có thành xenlulôzơ, chỉ sử dụng được chất hữu cơ có sẵn để nuôi cơ thể, có cơ quan di chuyển và hệ thần kinh, giác quan.

II. Đặc điểm chung của động vật:

-Dị dưỡng, có khả năng di chuyển, có hệ thần kinh và các giác quan.

III. Động vật được phân chia thành 2 nhóm chính :

-Động vật không xương sống và động vật có xương sống.

IV. Vai trò của động vật:

-Động vật có vai trò quan trọng đối với đời sống con người.

Chủ đề: NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH (Tiết 2)

Trùng roi

I. Trùng roi xanh:

-Sống ở nước ao, hồ. Cấu tạo là 1 cơ thể động vật đơn bào, cơ thể hình thoi, có roi bơi.

-Di chuyển nhờ roi

- Dinh dưỡng: vừa tự dưỡng vừa dị dưỡng.
- Hô hấp qua màng cơ thể
- Bài tiết và điều chỉnh áp suất thẩm thấu nhờ không bào co bóp.
- Sinh sản: vô tính theo cách phân đôi.
- Trùng roi có tính hướng sáng.

II. Tập đoàn trùng roi:

- Tập đoàn trùng roi gồm nhiều tế bào có roi (trùng roi), liên kết lại với nhau tạo thành. Chúng gọi ra mối quan hệ và nguồn gốc giữa động vật đơn bào và động vật đa bào.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH (Tiết 3)

Trùng biến hình và trùng giày

I. Trùng biến hình:

- Sống ở mặt bùn trong các ao tù hay hồ nước lợ.
- Động vật đơn bào có cấu tạo rất đơn giản gồm một nhân và khối chất nguyên sinh lỏng.
- Di chuyển và bắt mồi bằng chân giả.
- Dinh dưỡng nhờ không bào tiêu hóa.
- Hô hấp qua màng cơ thể.
- Bài tiết qua không bào co bóp.
- Sinh sản vô tính.

II. Trùng giày:

1. Cấu tạo:

- Trùng giày là động vật đơn bào có cấu tạo phức tạp hơn, phân hóa thành nhiều bộ phận như: nhân lớn, nhân nhỏ, 2 không bào co bóp, không bào tiêu hóa, miệng, hậu. Mỗi bộ phận đảm nhiệm chức năng sống nhất định.
- Di chuyển nhờ lông bơi.

2. Dinh dưỡng: ăn vụn hữu cơ, vi khuẩn (sgk).

3. Sinh sản:

- Vô tính (phân đôi theo chiều ngang).
- Hữu tính (tiếp hợp).

CHỦ ĐỀ: NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH (Tiết 4)

Trùng kiết lị và trùng sốt rét

I. Trùng kiết lị:

1. Cấu tạo và dinh dưỡng.

- Trùng kiết lị kí sinh ở thành ruột.
- Cấu tạo giống trùng biến hình nhưng có chân giả ngắn (có khả năng kết bào xác).
- Dinh dưỡng: Hủy hoại hồng cầu (nuốt hồng cầu để tiêu hóa).

2. Vòng đời: Bào xác trùng kiết lị theo thức ăn, nước uống vào ống tiêu hóa, chui khỏi bào xác, bám vào thành ruột nuốt hồng cầu và sinh sản rất nhanh.

3. Tác hại: Viêm loét ruột, mất hồng cầu.

II. Trùng sốt rét:

1. Cấu tạo và dinh dưỡng:

- Kí sinh trong máu người, thành ruột, tuyến nước bọt của muỗi Anophen.
- Kích thước nhỏ, không có bộ phận di chuyển và các không bào.
- Dinh dưỡng thực hiện qua màng tế bào (lấy chất dinh dưỡng từ hồng cầu).

2. Vòng đời:

- Muỗi Anophen chích người.
- Trùng sốt rét chui vào và kí sinh ở hồng cầu.
- Chúng sử dụng chất nguyên sinh bên trong hồng cầu, sinh sản vô tính cho ra nhiều trùng sốt rét mới.
- Chúng phá vỡ hồng cầu, chui ra ngoài tiếp tục vòng đời kí sinh mới.

3. Bệnh sốt rét ở nước ta:

- Là bệnh nguy hiểm cho người.
- Phòng chống rất khó khăn nhất là ở miền núi.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH (Tiết 5)

Đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của động vật nguyên sinh.

I. Đặc điểm chung của động vật nguyên sinh:

- Cơ thể có kích thước hiển vi.
- Chỉ là 1 tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống.
- Dinh dưỡng phần lớn dị dưỡng.
- Di chuyển bằng chân giả, lông bơi, hay roi bơi hoặc tiêu giảm.
- Sinh sản: vô tính theo kiểu phân đôi.

II. Vai trò thực tiễn của động vật nguyên sinh:

1. Có ích:

- Là thức ăn cho động vật lớn hơn trong nước.
- Chỉ thị về độ sạch của môi trường nước.

2. Có hại:

- Gây bệnh nguy hiểm cho động vật và người.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH RUỘT KHOANG (tiết 1)

Thủy tức

I. Hình dạng ngoài và di chuyển:

1. Cấu tạo ngoài: Cơ thể hình trụ dài.

- Phần dưới là đế → sống bám.
- Phần trên có lỗ miệng, xung quanh có tua miệng.
- Đối xứng tỏa tròn.

2. Di chuyển: kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu .

II. Cấu tạo trong của thủy tức:

- Thành cơ thể có 2 lớp tế bào, gồm nhiều loại tế bào có cấu tạo phân hóa:
 - + Lớp ngoài: gồm tế bào gai, tế bào thần kinh, tế bào mô bì cơ.
 - + Lớp trong: gồm tế bào mô cơ- tiêu hóa.
 - + Giữa là tầng keo mỏng.

III. Dinh dưỡng:

- Thủy tức bắt mồi bằng các tua miệng.
- Quá trình tiêu hóa được thực hiện trong ruột túi.

IV. Sinh sản:

- Sinh sản vô tính → mọc chồi.
- Sinh sản hữu tính bằng cách hình thành tế bào sinh dục đực và cái.
- Tái sinh: 1 phần của cơ thể tạo nên 1 cơ thể mới.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH RUỘT KHOANG (Tiết 2)

Đa dạng của ngành ruột khoang

- Ruột khoang biển có nhiều loài, rất đa dạng và phong phú.

I. Sứa:

- Cơ thể hình dù.
- Cấu tạo thích nghi với lối sống bơi lội:
 - + Có tầng keo dày.
 - + Lỗ miệng hướng phía dưới.

+ Bắt mỗi bằng tua miệng.

II. Hải quỳ và San hô:

- Cơ thể hình trụ giống thủy tức, thích nghi với lối sống bám.
- San hô có khung xương đá vôi bất động và tổ chức cơ thể kiểu tập đoàn.
- Nhìn chung sứa, hải quỳ, san hô đều là động vật ăn thịt và có tế bào gai độc tự vệ.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH RUỘT KHOANG (Tiết 3)

Đặc điểm chung và vai trò của ngành ruột khoang

I. Đặc điểm chung của ngành ruột khoang:

- Cơ thể có đối xứng tỏa tròn.
- Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp tế bào giữa là tầng keo.
- Ruột dạng túi.
- Có tế bào gai tự vệ, tấn công.
- Hệ thần kinh mạng lưới.
- Ruột khoang rất đa dạng phong phú ở biển nhiệt đới và biển nước ta.

II. Vai trò:

- Trong tự nhiên:

- + Tạo nên 1 trong các cảnh quan độc đáo ở đại dương.
- + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển.

- Đối với đời sống:

- + Làm đồ trang trí, trang sức.
- + Làm thực phẩm có giá trị.
- + Dùng trong xây dựng.
- + Hóa thạch san hô là vật chỉ thị địa tầng nghiên cứu địa chất.

❖ Tác hại:

- + Một số gây độc, ngứa cho người.
- + Tạo đá ngầm → ảnh hưởng đến giao thông.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN DẸP (Tiết 1)

Sán lá gan

I. Nơi sống, cấu tạo và di chuyển:

1. Nơi sống:

- Ký sinh ở gan, mật trâu bò.

2. Cấu tạo:

- Cơ thể dẹp, đối xứng 2 bên, ruột phân nhánh.

- Mắt, lông bơi tiêu giảm.

- Giác quan, cơ quan tiêu hóa, cơ quan sinh dục phát triển.

3. Di chuyển: chui rúc, luôn lách.

II. Dinh dưỡng:

- Lấy thức ăn nhờ 2 giác bám ở miệng. Hầu khỏe giúp miệng hút chất dinh dưỡng đưa vào 2 nhánh ruột. Sán lá gan chưa có hậu môn.

III. Sinh sản:

1. Cơ quan sinh dục:

- Sán lá gan lưỡng tính.

2. Vòng đời sinh sản: sgk.

- Thay đổi vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng thích nghi với kí sinh.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN DẸP (Tiết 2)

Một số giun dẹp khác và đặc điểm chung của ngành giun dẹp

I. Một số giun dẹp khác:

- Ngoài sán lông, sán lá gan, còn gặp khoảng 4 nghìn loài giun dẹp khác, chủ yếu kí sinh. Ví dụ: sán lá máu, sán bã trầu, sán dây.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN TRÒN (tiết 1)

Giun đũa

-Giun đũa thích nghi với đời sống kí sinh trong ruột non người.

I. Cấu tạo ngoài:

-Cơ thể dài bằng chiếc đũa có vỏ cuticun → làm cứng cơ thể.

II. Cấu tạo trong và di chuyển:

1. Cấu tạo trong:

-Có khoang cơ thể chưa chính thức.

-Ống tiêu hóa thẳng có thêm ruột sau và hậu môn.

-Thành cơ thể: biểu bì cơ dọc phát triển.

2. Di chuyển

-Cơ thể cong duỗi → chui rúc.

III. Dinh dưỡng:

-Hút dinh dưỡng nhanh và nhiều.

IV. Sinh sản:

1. Cơ quan sinh dục:

-Cơ quan sinh dục dạng ống dài, phát triển.

-Giun đũa phân tính.

-Thụ tinh trong, đẻ nhiều trứng và có khả năng phát tán rất rộng.

2. Vòng đời giun đũa:

-Học SGK.

3. phòng chống:

-Giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân.

-Tẩy giun định kì.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN TRÒN (tiết 2)

Một số giun tròn khác và đặc điểm chung của ngành giun tròn

I.Một số giun tròn khác:

-Giun đũa, giun kim, giun móc câu, giun rễ lúa...

B. LUYỆN TẬP:

Học sinh làm các câu hỏi sau:

1. Em hãy nêu vai trò nào của động vật nguyên sinh?
- 2.Trùng biến hình có kiểu dinh dưỡng như thế nào?
- 3.Trùng biến hình khác với trùng roi và trùng giày ở đặc điểm gì?
- 4.Thủy tức bắt mồi bằng bộ phận nào?
- 5.Sứa bơi lội trong nước nhờ bộ phận nào?
- 6.Lớp cuticun ở giun đũa đóng vai trò gì?
- 7.Ở cơ thể thủy tức, tế bào mô cơ - tiêu hóa nằm ở lớp nào?
- 8.Sán lá gan di chuyển như thế nào?
- 9.Đặc điểm chung của ruột khoang là gì?
- 10.Trứng giun đũa xâm nhập vào cơ thể người chủ yếu thông qua con đường nào?
- 11.Thủy tức thuộc ngành nào?
- 12.Trùng biến hình sinh sản bằng cách nào ?
- 13.Giun đũa loại bỏ các chất thải qua đâu?
- 14.Cơ quan sinh dục của giun đũa đực gồm mấy ống dẫn tinh?
- 15.Giun đũa, giun kim, giun móc câu thuộc ngành giun gì ?

- 16.Sứa, Hải Quỳ, San Hô, Thủy tức loài nào của ngành ruột khoang bơi lội trong nước?
17. Động vật được phân chia thành mấy nhóm chính?
- 18.Động vật và thực vật giống nhau ở điểm nào?
19. Đặc điểm cấu tạo nào chỉ có ở tế bào thực vật, không có ở tế bào động vật?
- 20.Thủy tức có hình dạng ngoài như thế nào?
- 21.Thủy tức di chuyển bằng cách nào?
- 22.Hải quỳ sống đơn độc hay tập đoàn?
- 23.Miệng của sứa hướng xuống dưới hay lên trên?
- 24.San hô có đặc điểm gì?
- 25.Trùng roi di chuyển nhờ gì?
- 26.Sán lá gan có hình gì?
27. Động vật nguyên sinh có lợi gì?
- 28.So với kích thước của hồng cầu, thì trùng trùng sốt rét có kích thước lớn hơn hay nhỏ hơn?
- 29.Sán lá gan ký sinh ở bộ phận nào trên Trâu, Bò?
- 30.Sán lá gan, Sán dây, Sán lá máu thuộc ngành nào?

C. DẶN DÒ:

- Học sinh ôn lại phần lý thuyết sinh học 7 từ bài 1 đến bài 14 (bài 1, 2, chủ đề ngành động vật nguyên sinh, chủ đề ngành ruột khoang, chủ đề ngành giun dẹp, chủ đề ngành giun tròn.)
- Làm bài tập luyện tập ở trên (nộp bài trên trang lophoc.edu.vn)
- Xem video hướng dẫn ôn tập trên trang web trường THCS Nguyễn Văn Phú và trang lophoc.hcm.edu.vn
- Lịch thi môn sinh 7 lúc 13h30 ngày 3/11/2021 (thứ tư) học sinh lên trang lophoc.hcm.edu.vn để làm bài kiểm tra đánh giá giữa kì I, học sinh nhớ có mặt trước 15 phút để giáo viên điểm danh.

13. MÔN CÔNG NGHỆ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 9.

KIỂM TRA GIỮA HKI THEO HÌNH THỨC TẬP TRUNG.

- DẶN DÒ:
 - Xem trước nội dung của bài VAI TRÒ CỦA GIỐNG VÀ PP CHỌN TẠO GIỐNG CÂY TRỒNG chuẩn bị cho tuần sau.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

Họ và tên HS: Lớp: 7/.....

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, nội dung cần hướng dẫn thêm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập và gửi lại cho nhà trường (thông qua bộ phận điều phối tài liệu/ giáo viên chủ nhiệm).

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Lịch sử		
5	Địa lý		
6	GDCD		
7	Tiếng Anh		
8	Âm nhạc		
9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
11	Tin học		
12	Sinh học		
13	Công nghệ		